

Bản án số: **29** /2022/DS-ST

Ngày 04/5/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Kim Ngân**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đình Quang Tuyên**

2. Ông **Trần Ngọc Quân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Ngọc Chí** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Đặng Mỹ P** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2021/TLST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2021, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam (P)**.

Địa chỉ: 22 N, phường T, quận HK, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng T** – Phó Giám đốc khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam. Địa chỉ: 264E LVS, p 14, q 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 10772/UQ-PVB, ngày 10/6/2020 của ông Nguyễn Đình L).

Người được ủy quyền lại:

1. Ông **Lê Tiên Đ**, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

2. Ông **Võ Duy Thế P** , sinh năm 1989. (Có mặt).  
Cùng địa chỉ: 264E LVS, p 14, q 3, Thành phố Hồ Chí Minh Lầu 6, số 131  
THĐ, phường AP, quận NK, Thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản uỷ quyền số 114/UQ-PVB, ngày 18/01/2021 của ông  
Nguyễn Hoàng T N ).

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T** , sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Bà **Nguyễn Ngọc G** , sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ  
Việt Nam (sau đây sẽ gọi tắt là Ngân hàng P ) trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G ký Hợp đồng tín dụng với Ngân  
hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 2207/2019/HĐTD-CN.KG ngày 11/7/2019. Số  
tiền vay: 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng), Mục đích vay: Mua  
xe ô tô tải pick up cabin kép nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, màu trắng,  
mới 100%. Thời hạn vay: 72 tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao  
gồm: Loại xe: xe ô tô tải (pick up cabin kép); Nhãn hiệu: FORD; Số loại:  
RANGER; Màu trắng; Số chỗ ngồi: 5; Số khung: MNCUMFF60KW966593; Số  
máy: YN2QW966593; Biển số đăng ký: 68C-108.84; Theo: GDK xe ô tô số  
026684 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày  
08/7/2019.

Tài sản bảo đảm đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số  
2207/2019/HĐBĐ/PVB-CN.KG ngày 11/7/2019, đã được đăng ký thế chấp  
ngày 11/7/2019 tại T tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Trần Văn T và bà Nguyễn  
Ngọc G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các Hợp đồng tín dụng  
và các Khế ước nhận nợ được ký kết với P . Đến nay, ông Trần Văn T và bà  
Nguyễn Ngọc G chỉ trả cho Ngân hàng P số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc đã trả:  
78.753.031 đồng; Nợ lãi đã trả: 43.674.721 đồng. Tổng cộng: 122.427.752 đồng.

Nghĩa vụ nợ của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G cập nhật trên hệ  
thống phần mềm tạm tính đến ngày 30/11/2020 là: Tổng nợ gốc: 551.246.969  
đồng; Tổng nợ lãi: 38.638.416 đồng. Tổng dư nợ là: 589.885.385 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông  
Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân

hàng. Vì vậy, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với P .

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ông N đơn là ông Võ Duy Thế P trình bày:

- Tính đến ngày 03/5/2022 ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G còn nợ Ngân hàng P tổng số nợ của hợp đồng tín dụng là 708.588.333 đồng, bao gồm: Nợ gốc 551.246.969 đồng, nợ lãi 157.341.364 đồng. Ngân hàng P đề nghị Toà án buộc ông T và bà G phải trả toàn bộ các khoản nợ trên và phải lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

- Nếu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý các tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của Pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G tại Ngân hàng thì ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng P .

2. Bị đơn là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến của ông T và bà G .

3. Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Về thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử đã quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 195 và khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay ông Lê Tiến Đ , ông Trần Văn T , bà Nguyễn Ngọc G vắng mặt lần thứ hai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Đ , ông T và bà G .

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Ông Lê Tiến Đ , ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ , ông T và bà G .

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng cho vay số 2207/2019/HĐTD-PVB-CN.KG ngày 11/7/2019, thì Ngân hàng P đã cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G vay số tiền 630.000.000 đồng; Thời hạn vay 72 tháng; Lãi suất trong hạn: được ghi nhận tại mỗi Khế ước nhận nợ (từ ngày 12/7/2019 đến ngày 11/7/2020 lãi suất bằng 09%/năm, từ ngày 12/7/2020 đến hết thời hạn vay: lãi suất cho vay = LS13 + biên độ 4,5%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng đầu); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn; Lãi suất Chậm trả: Theo quy định của Ngân hàng nhưng đảm bảo không quá 10%/năm. Trả nợ gốc: Nợ gốc được trả 72 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, vào ngày 25 hàng tháng.

Để bảo đảm tiền vay, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2207/2019/HĐBĐ/PVĐ-CN.KG ngày 11/7/2019; nội dung ông T và bà G thế chấp tài sản cho Ngân hàng P là: Xe ô tô tải (pick up cabin kép); Nhãn hiệu: FORD; Số loại: RANGER; Màu trắng; Số chỗ ngồi: 5; Số khung: MNCUMFF60KW966593; Số máy: YN2QW966593; Biển số đăng ký: 68C-108.84; Theo: GDK xe ô tô số 026684 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/7/2019. Theo văn bản số 122/CSGT-ĐKX ngày 07/02/2022 của Phòng CSGT Đường bộ - Công an tỉnh Kiên Giang thì xe ô tô biển số 68C-108.84, chủ sở hữu: Trần Văn T ; địa chỉ: Cây Thông Trong, Cửa Dương, Phú Quốc, Kiên Giang. Tới thời điểm hiện tại P tiện trên chưa làm thủ tục sang tên hoặc đổi cấp lại giấy đăng ký. P tiện trên đang lưu hành bình thường và được ngăn chặn bởi T tâm đăng ký giao dịch Tài sản Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G đã trả cho Ngân hàng P số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc đã trả: 78.753.031 đồng; Nợ lãi đã trả: 43.674.721 đồng. Tổng cộng: 122.427.752 đồng.

Đến ngày 03/5/2022 ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G còn nợ Ngân hàng P : Tổng nợ gốc: 551.246.969 đồng; Tổng nợ lãi: 157.341.364 đồng. Tổng dư nợ là: 708.588.333 đồng.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn:

Xét thấy, việc ký kết các giao dịch nêu trên của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G với Ngân hàng P là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật. Do ông T và bà G vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng P khi đến hạn; nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, trả lãi và xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 293, 295, 299, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng P đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G .

[4]. Về án phí:

- Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 708.588.333 đồng phải trả cho Ngân hàng, thành tiền án phí là 32.343.533 đồng.

- Ngân hàng P không phải nộp án phí, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.798.000 đồng.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 280, 293, 295, 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam.

**1.** Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam theo hợp đồng cho vay số 2207/2019/HĐTD-PVB-CN.KG ngày 11/7/2019 với tổng số tiền là 708.588.333 đồng (*Bảy trăm lẻ*

*tám triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*). Gồm: Nợ gốc 551.246.969 đồng (*Năm trăm năm mươi một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng*); Nợ lãi là 157.341.364 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi bốn đồng*).

2. Từ ngày 04/5/2022 ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số 2207/2019/HĐTD-PVB-CN.KG ngày 11/7/2019 cho đến khi ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam.

3. Nếu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm là: Xe ô tô tải (pick up cabin kép); Nhãn hiệu: FORD; Số loại: RANGER; Màu trắng; Số chỗ ngồi: 5; Số khung: MNCUMFF60KW966593; Số máy: YN2QW966593; Biển số đăng ký: 68C-108.84; Theo: GDK xe ô tô số 026684 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/7/2019.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý các tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của Pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam thì ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam.

#### 5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí có giá ngạch là 32.343.533 đồng (*Ba mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.798.000 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000134, ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai tại nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tp PQ;
- Chi cục Thi hành án DS tp PQ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**(đã ký)**

**Võ Kim Ngân**